| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

B án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Anh Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Lương Quang Toán.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị C**;
Địa chỉ: Thôn B G, xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.
Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.
- Bị đơn**:** Anh **Bàn Văn B**;
Địa chỉ: Thôn B G, xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.
Có mặt khi tranh tụng, vắng mặt khi tuyên án,

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, biên B lấy lời khai và tại phiên hòa giải chị Triệu Thị C trình bày:***

Chị và anh Bàn Văn B tự nguyện tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012. Đến ngày 31/5/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Chị đã về quê ở thôn Kh Ph, xã S L làm nhà và ở cùng mẹ đẻ chị. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bàn Thúy T, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Bàn Minh Tr, sinh ngày 22/11/2015. Ly hôn chị nhận nuôi cháu T vì là cháu gái, để anh B nuôi cháu Tr hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ ai.

***Tại biên B lấy lời khai, phiên hoà giải và phiên toà anh Bàn Văn B trình bày:***

Anh và chị Triệu Thị C sau thời gian tìm hiểu tự nguyện đã về chung sống như vợ chồng từ khoảng đầu năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn do chị B chưa đủ tuổi. Đến ngày 31/5/2016 vợ chồng anh mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Từ khi lấy nhau về vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng anh đi công ty, từ đó chị C thay đổi tính cách dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng anh thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau, có một lần mâu thuẫn do tức giận anh có đánh chị C, chị C bỏ đi. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay không còn liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C có đơn xin ly hôn anh nhất Tr.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Bàn Thúy T, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Bàn Minh Tr, sinh ngày 22/11/2015. Ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 con chung không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh làm công nhân công ty TNHH Công nghệ Johnson Health Việt Nam ở Thượng Thành 2, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập của anh khoảng 8.000.0000đ đến 9.000.000đ/tháng. Về chỗ ở: Anh thường xuyên đi làm xa nên thuê nhà ở. Anh chỉ hay về nhà những lúc được nghỉ ở công ty, khoảng 2 đến 3 tháng về một lần. Hiện các con anh đang ở chung với bố mẹ anh tại thôn B G, xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, có nhà sàn bằng gỗ kiên cố.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có.

***Kết quả xác minh:***

Ông Bàn Hữu B - Trưởng thôn B G, xã Th N, huyện Na Hang cho biết: Chị Triệu Thị C và anh Bàn Văn B đi đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th N, huyện Na Hang. Chị C về ở cùng gia đình anh B. Quá trình chung sống anh B, chị C hòa thuận, hạnh phúc nhiều năm. Vài năm gần đây chị C và anh B cùng đi làm ăn xa. Khoảng 04 năm gần đây khi nghỉ lễ, tết chị C không về nhà ở cùng anh B. Nguyên nhân mẫu thuẫn vì sao ông không rõ.

Anh B, chị C có 02 con chung, cháu lớn sinh năm 2013, cháu bé sinh năm 2015. Các cháu đều đang đi học tiểu học tại thôn B G, xã Th N.

Anh B, chị C có tài sản chung, vay nợ chung như thế nào ông không rõ.

Ông Bàn Văn A – Trưởng thôn Kh Ph, xã S L biết chị Triệu Thị C lấy chồng ở xã Th N, huyện Na Hang. Nhưng không rõ mâu thuẫn thế nào chị C đã về thôn Khuổi Phìn, xã Sinh Long làm nhà ở cùng mẹ đẻ là bà Lý Thị Líu. Nhà chị C là nhà cột gỗ,

lợp prô xi măng, nhà rộng 04 gian. Nhà của chị C cách điểm trường tiểu học Sinh Long khoảng gần 01 km.

Ông Bàn Càn Khé (bố anh B trình bày): Ông là bố của anh Bàn Văn B. Hiện tại ông và vợ ông đang ở nhà sàn gỗ 05 gian tại thôn B Giòong, xã cùng con trai út (Em của B) và 02 cháu (Con anh B). Nhà được làm từ năm 2005. Do anh B đi làm công ty ở xa nên ông đang trực tiếp chăm sóc hai cháu. Hàng tháng anh B gửi tiền trung bình là 5.000.000đ để nuôi hai cháu. Anh B thì khoảng 03 tháng thì lại về chơi, thăm con một lần. Nhà ông cách điểm trường học tại thôn khoảng 01 km. Các cháu đi học đều là đi bộ. Gia đình ông thuộc hộ nghèo nhiều năm nay. Ông và vợ ông làm nông nghiệp, ngoài làm ruộng lúa ra thì làm còn làm nương. Vợ chồng ông có lán trên nương, thi thoảng thì ở lại qua đên trên lán.

Ý kiến của các con chung:

Cháu Bàn Minh Tr khai cháu không biết bố mẹ cháu có mâu thuẫn gì nhưng mấy năm nay mẹ cháu không về nhà ở với bố cháu khi nghỉ tết. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố và bà nội.

Cháu Bàn Thúy T khai nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn tiếp tục ở với bố và ông bà nội. Mẹ cháu đã không ở với bố cháu mấy năm nay, vài tháng mẹ cháu về thăm chị em cháu một lần. Cháu không thấy bố mẹ có mâu thuẫn.

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến***:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn B cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Triệu Thị C ly hôn anh Bàn Văn B.

Về con chung: Giao cho anh Bàn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Minh Tr, sinh ngày 22/11/2015; Giao cho chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Thúy T, sinh ngày 23/10/2013. Chị C, anh B không ai phải cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Về án phí: Chị Triệu Thị C thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí, do đó được miễn án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Chị C, anh B được quyền kháng cáo B án theo quy định của pháp luật.

Chị Triệu Thị C giao nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn; B sao giấy khai sinh của các con; Giấy Xác nhận thôn tin cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành lấy lời khai các đương sự, các con của đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh với Trưởng thôn B G, Trưởng thôn Kh Ph, bố anh B.

Chị Triệu Thị C và anh Bàn Văn B thống nhất với nhau về việc ly hôn; không thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Anh Bàn Văn B cư trú tại thôn B G, xã Th N, huyện Na Hang. Chị Triệu Thị C có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Toà án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng hòa giải không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Triệu Thị C có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207 và 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Triệu Thị C và anh Bàn Văn B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị C, anh B phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do anh B trình bày là chị C đi làm ăn xa, tính tình thay đổi nên xảy ra mâu thuẫn. Chị C trình bày do anh B ghen tuông vô cớ đánh chị nên chị đã sống ly thân với anh B. Chị C, anh B đã sống ly thân được khoảng 04 năm. Mâu thuẫn của chị C và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Triệu Thị C ly hôn anh Bàn Văn B.

[4] Con chung: Chị Triệu Thị C và anh Bàn Văn B có 02 con chung là cháu Bàn Thúy T, sinh ngày 23/10/2013 và cháu Bàn Minh Tr, sinh ngày 22/11/2015. Chị C và anh B đều có công việc ổn định, chỗ ở tại địa phương tại huyện Na Hang đều đủ điều để nuôi dưỡng con. Cháu T là cháu gái, cháu Tr là cháu trai. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr; giao cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là để chăm sóc, nuôi dưỡng được tốt nhất về T, sinh lý, Chị C, anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Thị C, anh Bàn Văn B không có.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị C là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị C được miễn án phí.

[7] Các đương sự được kháng cáo B án theo quy định của Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" của chị Triệu Thị C.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị C ly hôn và anh Bàn Văn B.

**2.** Về con chung: Giao cho anh Bàn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bàn Minh Tr, sinh ngày 22/11/2015; Giao cho chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cháu Bàn Thúy T, sinh ngày 23/10/2013. Chị C, anh B không ai phải cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Triệu Thị C được miễn toàn bộ án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị C và anh Bàn Văn B có quyền kháng cáo B án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được B án hoặc B án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- UBND xã Th N;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Anh Thành**